

BÁO CÁO
RÀ SOÁT ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Quy hoạch thủy lợi ĐBSCL đến năm 2020, định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH-NBD, được phê duyệt tại Quyết định số 1397/QĐ-TTg, ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Những kết quả đạt được

1.1. Những hiệu quả chung về thủy lợi

- Tưới tiêu, cấp nước: Toàn ĐBSCL hiện có trên 15.000 km kênh trục và kênh cấp I, gần 27.000 km kênh cấp II, khoảng 50.000 kênh cấp III và nội đồng, 80 cống rộng trên 5 m (lớn nhất là cống-đập Láng Thè 100 m và cống-đập Ba Lai 84 m), trên 800 cống rộng 2-4 m và hàng vạn cống, bông nhỏ, trên 1.000 trạm bơm điện lớn và vừa, hàng vạn máy bơm nhỏ để chủ động tưới, tiêu.

- Về mặt kiểm soát lũ: đã hình thành hệ thống đê và bờ bao với tổng chiều dài khoảng 13.000 km, trong đó có 7.000 km bờ bao chống lũ tháng 8 để bảo vệ lúa Hè-Thu. Ngoài ra còn có hơn 200 km đê bao giữ nước chống cháy cho các Vườn Quốc gia và rừng tràm sản xuất tập trung.

- Kiểm soát mặn và triều cường: Vùng ven biển ĐBSCL đã xây dựng 450 km đê biển, 1.290 km đê sông và khoảng 7.000 km bờ bao ven các kênh rạch nội đồng để ngăn mặn, triều cường và sóng bão cho vùng ven biển.

- Cấp nước sinh hoạt: Hầu hết dân cư ở các thị trấn, thị xã, thành phố ở ĐBSCL hiện đều được cấp nước sạch (tuy có lúc, có nơi chưa đủ về mặt số lượng). Dân cư vùng nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh với tỷ lệ thấp (chỉ khoảng 46%).

1.2. Tiến độ đầu tư các công trình theo danh mục

Đến cuối tháng 12/2018, trên địa bàn 13 tỉnh vùng ĐBSCL đã thực hiện được 153/369 công trình có trong danh mục được duyệt (42% về số lượng công trình), đang thực hiện 19/369 (5,1%).

Đánh giá chung: tiến độ đầu tư chậm so với dự kiến, đến năm 2020 chỉ đầu tư đạt khoảng 50% số lượng công trình.

TT	Giai đoạn đầu tư	Danh mục CT đầu tư	Đã thực hiện	Đang thực hiện	Đã có KH	Chưa thực hiện
1	Giai đoạn 2012-2015	197	102	14	1	80

TT	Giai đoạn đầu tư	Danh mục CT đầu tư	Đã thực hiện	Đang thực hiện	Đã có KH	Chưa thực hiện
2	Giai đoạn 2016-2020	172	49	5	6	112
	Tổng	369	151	19	7	192

2. Những kết quả chưa đạt được

- Vấn đề lũ vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để, một số diện tích lúa Hè-Thu, vùng cây ăn trái có giá trị cao ở ven bờ sông Tiền vẫn còn bị thiệt hại, chưa chủ động được việc xuống giống vụ Đông-Xuân, cơ sở hạ tầng hàng năm vẫn bị thiệt hại do lũ.

- Hệ thống kiểm soát lũ ven biên giới đã làm dâng cao mực nước lũ đầu vụ và chính vụ khu vực Bắc kênh Vĩnh Tế nên lũ về sớm hơn gần 1 tháng, làm gia tăng mực nước đỉnh lũ đầu vụ và chính vụ 15-25 cm.

- Phát triển lúa vụ 3 đã kéo theo phát triển quy mô hệ thống đê bao bảo vệ sản xuất, từ đó làm giảm không gian chứa, thoát lũ, làm tăng mức ngập khi có lũ lớn xảy ra (lũ năm 2011).

- Phần lớn hệ thống kênh đảm nhận chức năng cấp, thoát nước kết hợp nên chất lượng nước nhiều nơi bị ô nhiễm, như hạ lưu cống Cà Mau;

- Nhiều công trình thủy lợi được đầu tư từ lâu, qua thời gian vận hành sử dụng nay đã xuống cấp trầm trọng, không đảm bảo năng lực phục vụ như thiết kế.

- Hệ thống thủy lợi hiện hữu dựa trên nền tảng của hệ thống thủy lợi phục vụ canh tác lúa trước đây, không thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật về quản lý nước, cấp, thoát nước đối với các mô hình canh tác khác sau chuyển đổi;

- Tại những khu vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản, hệ thống thủy lợi chưa đủ năng lực phân chia “mặn, ngọt”;

- Một số khu vực hệ thống công trình chưa đồng bộ, khép kín nên phát huy hiệu quả không cao, như hệ thống Ba lai, hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp;

- Hệ thống công tự động hai chiều không vận hành cưỡng bức được nên khả năng điều tiết nguồn nước (cấp, tiêu thoát) không được chủ động;

- Sông, rạch phân bố không hợp lý, chảy ngoằn ngoèo, sinh ra nhiều giáp nước vì thế điều kiện lấy, tiêu thoát nước kém, kênh bị bồi lắng nghiêm trọng, đặc biệt ở vùng Bán đảo Cà Mau, vùng ven biển; Vẫn còn hiện tượng thiếu nguồn cung cấp nước tưới cho các vùng sâu, vùng xa vào thời kỳ mùa kiệt, mặn xâm nhập sâu.

- NTTS vùng ven biển ĐBSCL trên vùng rất rộng, có vùng xa biển vài chục km, các mô hình nuôi trồng đan xen, manh mún – dạng “da báo”, hệ thống

ao nuôi chưa hoàn thiện, thiếu ao chứa, ao xử lý nước thải dẫn đến tình trạng chất lượng nước không đảm bảo cho NTTS.

- Các vùng giáp nước, giáp triều chưa được giải quyết gây khó khăn cho việc tải lưu lượng của hệ thống kênh.

3. Những hạn chế, khó khăn trong quá trình triển khai quy hoạch

- Quy hoạch chống ngập một số đô thị đã được phê duyệt nhưng triển khai xây dựng chậm, ảnh hưởng đến phát triển KT-XH các địa phương (TP. Cần Thơ, TP. Vĩnh Long, TP. Cà Mau)

- Do việc quản lý quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa chặt chẽ, việc chuyển đổi sản xuất tự phát, hình thành các vùng sản xuất xen lẫn nhau như “đa báo”, dẫn đến mục tiêu, nhiệm vụ của nhiều công trình thủy lợi trong quy hoạch cần phải điều chỉnh.

- Những diễn biến của điều kiện tự nhiên bất thường và không theo quy luật ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả của các giải pháp thủy lợi.

- Còn bị động trong các giải pháp ứng phó với sự biến động nguồn nước, các hiện tượng: sụt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển diễn biến ngày càng phức tạp.

4. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn

- Vốn đầu tư cho các công trình thủy lợi rất hạn chế, dẫn đến nhiều công trình trong quy hoạch chưa được thực hiện.

- Chưa có chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào thủy lợi, nhất là thủy lợi nhỏ và nội đồng, trạm bơm điện...

- Thiếu thông tin về các hoạt động khai thác nguồn nước của các nước thượng lưu.

- Thiếu các nghiên cứu chuyên sâu để có cơ sở đánh giá tác động của các hiện tượng: sụt lún đất, sụt lún lòng dẫn...

5. Những vấn đề đặt ra khi xây dựng quy hoạch mới

- Nghị quyết 120/NQ-CP về Phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH đã đặt ra các quan điểm, định hướng rất cụ thể để phát triển ĐBSCL trong thời gian tới, khi xây dựng quy hoạch mới cần bám sát và vận dụng linh hoạt các yêu cầu này.

- Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với BĐKH đang được Bộ NN và PTNT dự thảo trình Thủ tướng phê duyệt. Quy hoạch thủy lợi trong thời gian tới cần xác định các mục tiêu nông nghiệp trong Chương trình này là một trong những đầu bài để xây dựng mục tiêu phát triển thủy lợi.

- Theo quy định của luật Quy hoạch, quy hoạch thủy lợi ĐBSCL sẽ là một trong những quy hoạch được tích hợp trong Quy hoạch vùng ĐBSCL (hiện đang được Bộ KH-ĐT lập), do vậy cần xem xét các vấn đề thủy lợi trong tổng thể các ngành, có sự kết hợp, bổ trợ lẫn nhau để tránh chồng chéo, lãng phí.

6. Đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế, khó khăn để tiếp tục thực hiện quy hoạch

- Chính phủ và các Bộ xem xét ưu tiên bố trí nguồn vốn trung ương và các nguồn vốn vay ODA để đầu tư phát triển thủy lợi cho vùng ĐBSCL.

- Bộ NN và PTNT tham mưu Chính phủ có các cơ chế đặc thù khuyến khích doanh nghiệp, tư nhân tham gia đầu tư thủy lợi.

- Tổ chức lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

- Tổ chức thực hiện các chương trình điều tra cơ bản, tạo cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn ĐBSCL.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Vụ NN và NSNT;
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG